

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 17 /2016/NQ-HĐND

Quảng Nam, ngày 19 tháng 7 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

**Về Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ
tỉnh Quảng Nam đến năm 2025, tầm nhìn 2030**

SỞ TƯ PHÁP QUẢNG NAM

ĐẾN	Số: 24.12
	Ngày: 07-08-2016

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 2**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Xét Tờ trình số 3158/TTr-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị thông qua và ban hành Nghị quyết về Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Nam đến năm 2025, tầm nhìn 2030; Báo cáo thẩm tra số 27/BC-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2016 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Nam đến năm 2025, tầm nhìn 2030, với các nội dung chủ yếu sau đây:

Điều 1. Quan điểm

1. Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh phải phù hợp với Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ quốc gia; hướng vào các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh; là động lực cho quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, là một nội dung cần được ưu tiên tập trung đầu tư trước một bước trong hoạt động của các cấp, các ngành.

2. Tăng cường nội lực, mở rộng hợp tác trong và ngoài nước; phát huy khả năng sáng tạo của các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội và mọi công dân trong hoạt động khoa học và công nghệ.

3. Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng; kết quả hoạt động, sản phẩm khoa học và công nghệ phải gắn với thực tế sản xuất và đời sống; hướng tới sản phẩm hàng hóa và nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Coi doanh nghiệp và các đơn vị dịch vụ công là trung tâm của đổi mới ứng dụng và chuyển giao công nghệ, là nguồn cầu quan trọng của thị trường khoa học và công nghệ.

4. Phát triển tiềm lực và đổi mới cơ chế quản lý là nhiệm vụ trọng tâm của chiến lược phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh. Đầu tư cho khoa học và công nghệ là đầu tư cho phát triển; có trọng tâm, trọng điểm, có chiều sâu.

5. Chủ động hội nhập quốc tế; đẩy mạnh xã hội hoá, đa dạng hoá các loại hình hoạt động; thu hút và phát huy tối đa các nguồn lực, chuyên gia trong hoạt động khoa học và công nghệ.

Điều 2. Mục tiêu

1. Mục tiêu tổng quát

Triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách mới về quản lý và tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ; phát triển hợp lý, đồng bộ các lĩnh vực theo hướng đưa nhanh tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống; tạo chuyển biến về năng lực và trình độ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; kết quả hoạt động khoa học và công nghệ phục vụ thiết thực cho quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế gắn với cơ cấu lại kinh tế; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, góp phần thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa, gắn với phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2025, phấn đấu đạt các chỉ tiêu về tỷ lệ đóng góp của khoa học và công nghệ vào tăng trưởng kinh tế thông qua yếu tố năng suất tổng hợp (TFP) trên 35%, tốc độ đổi mới công nghệ, thiết bị trên 20%/năm.

b) Phấn đấu tăng tỷ lệ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ, lĩnh vực khoa học y, dược và lĩnh vực khoa học nông nghiệp trên 60% tổng số các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

c) Đến năm 2025, đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp cho 100% sản phẩm đặc trưng, sản phẩm làng nghề truyền thống của tỉnh.

d) Đến năm 2025, 100% các phương tiện đo thông dụng thuộc danh mục kiểm định trên địa bàn tỉnh được kiểm định.

e) Đến 2025, phấn đấu xây dựng được 2 sản phẩm được công nhận là sản phẩm quốc gia; từ 3-5 sản phẩm chủ lực ứng dụng khoa học và công nghệ thành chuỗi giá trị gia nhập với thị trường trong nước và xuất khẩu.

Điều 3. Nhiệm vụ chủ yếu

1. Phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ

a) Phát triển nguồn nhân lực

Quy hoạch, đào tạo, thu hút phát triển nguồn nhân lực đồng bộ, cân đối theo hướng chuyên sâu cho từng lĩnh vực, đặc biệt là các ngành công nghiệp chủ lực; tập trung cho hệ thống các tổ chức nghiên cứu và phát triển. Phát triển, thu hút và sử dụng có hiệu quả đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ.

b) Phát triển hệ thống các tổ chức khoa học và công nghệ

Xây dựng Đề án quy hoạch và phát triển tổ chức khoa học và công nghệ của tỉnh. Đẩy mạnh thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

Tập trung đầu tư cơ sở vật chất, nâng cao năng lực nghiên cứu ứng dụng đối với các tổ chức sự nghiệp khoa học và công nghệ công lập đáp ứng cơ bản nhu cầu quản lý và phát triển theo hướng đầu tư chiều sâu, có trọng điểm, ưu tiên các ngành phục vụ cho chiến lược phát triển của tỉnh.

Xây dựng Trung tâm công nghệ sinh học tỉnh trên cơ sở phát triển cơ sở ứng dụng công nghệ sinh học thuộc Trung tâm Ứng dụng - Thông tin khoa học và công nghệ nhằm gắn nghiên cứu, đào tạo và chuyển giao công nghệ phục vụ bảo tồn các giống cây trồng quý hiếm, sản xuất nông nghiệp hàng hóa, sản xuất nông sản an toàn cho tiêu dùng và xuất khẩu.

Hình thành và phát triển Khu nông nghiệp, công nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

2. Quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ

a) Triển khai đầy đủ, hiệu quả các cơ chế, chính sách mới về quản lý và tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ. Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ từ cấp tỉnh đến cấp huyện và các cơ quan chuyên ngành.

b) Triển khai đầy đủ các nhiệm vụ quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ trên các lĩnh vực công nghệ, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, sở hữu trí tuệ, thông tin, thống kê và thanh tra chuyên ngành theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Thành lập Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Nam.

c) Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ “Đưa khoa học và công nghệ gắn với doanh nghiệp”. Đẩy mạnh hỗ trợ doanh nghiệp thương mại hóa sản phẩm khoa học và công nghệ, đổi mới công nghệ, phát triển tài sản trí tuệ. Hỗ trợ các doanh nghiệp, các tổ chức tham gia các chương trình, đề án quốc gia về khoa học và công nghệ.

3. Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

a) Phát triển hợp lý giữa 6 lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ, y dược, nông nghiệp, khoa học xã hội và khoa học nhân văn, chú trọng các nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật và công nghệ tiên tiến phục vụ trực tiếp cho sản xuất và đời sống, có địa chỉ ứng dụng cụ thể.

b) Tăng cường đề xuất đặt hàng của tỉnh, tranh thủ sự hỗ trợ của Trung ương cho các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Quốc gia và các nhiệm vụ khoa học và công nghệ hợp tác trên địa bàn tỉnh.

Điều 4. Giải pháp thực hiện

1. Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức về vai trò khoa học và công nghệ đối với phát triển kinh tế - xã hội

a) Xác lập quan điểm đúng đắn về vai trò nền tảng và động lực của KH&CN đối với phát triển kinh tế - xã hội trong toàn hệ thống chính trị.

b) Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ KH&CN với các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của từng ngành, từng cấp; xây dựng kế hoạch ứng dụng và phát triển KH&CN là một nội dung bắt buộc của quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương.

c) Nâng cao nhận thức của cán bộ và người dân về vị trí, vai trò khoa học và công nghệ nhằm đưa việc ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ trở thành nhu cầu phổ biến trong sản xuất và các lĩnh vực đời sống xã hội.

2. Tiếp tục đổi mới toàn diện cơ chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ

a) Triển khai đổi mới mạnh mẽ cơ chế quản lý khoa học và công nghệ tại địa phương, thực hiện Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ trong cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công.

b) Áp dụng các quy định mới về cơ chế đặt hàng, cơ chế khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán chi từng phần nhiệm vụ và thực hiện cấp phát kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo cơ chế Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ.

c) Xác định cụ thể trách nhiệm, quyền lợi, biện pháp chế tài đối với các cơ quan quản lý, đơn vị đặt hàng, cơ quan chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ trong việc ứng dụng kết quả nghiên cứu vào sản xuất và đời sống sau khi nghiệm thu.

d) Thực hiện cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp khoa học và công nghệ công lập, phương thức cấp kinh phí thường xuyên cho các tổ chức khoa học và công nghệ công lập trong các nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng.

3. Tăng cường đầu tư kinh phí cho khoa học và công nghệ

a) Đầu tư từ ngân sách tỉnh cho khoa học và công nghệ (vốn đầu tư phát triển, kinh phí sự nghiệp) cao hơn mức Trung ương phân bổ hằng năm.

b) Khuyến khích xã hội hoá, đa dạng hoá các nguồn đầu tư cho phát triển khoa học và công nghệ. Phát huy vai trò của doanh nghiệp, trọng tâm là doanh nghiệp khoa học và công nghệ nhằm huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực trong việc đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Khuyến khích các doanh nghiệp thành lập Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ.

c) Lồng ghép các nguồn kinh phí để bố trí thực hiện triển khai ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật tại địa phương.

4. Đẩy mạnh công tác thông tin, thống kê khoa học và công nghệ

a) Đầu tư, xây dựng và phát triển Trung tâm Thông tin thống kê khoa học và công nghệ. Cải tiến, nâng cao chất lượng hoạt động của các kênh thông tin.

b) Khuyến khích, xã hội hoá các hoạt động dịch vụ về thông tin, thống kê khoa học và công nghệ. Đẩy mạnh hoạt động thông tin công ích phục vụ doanh nghiệp, xây dựng và triển khai thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các diễn đàn công nghệ, thiết bị trong và ngoài nước.

5. Tăng cường hợp tác khoa học và công nghệ

Xây dựng Đề án hợp tác về khoa học và công nghệ của tỉnh. Duy trì, phát triển các chương trình hợp tác hiện có. Thiết lập quan hệ và xây dựng chương trình hợp tác trong và ngoài nước nhằm thu hút nguồn lực và chuyên gia tham gia các chương trình, đề tài, dự án của tỉnh.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

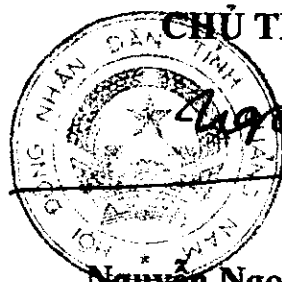
1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam khóa IX, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 19 tháng 7 năm 2016 và có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành. /./hnh

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- VP: QH, CTN, CP;
- Ban CTĐB - UBND tỉnh;
- Bộ KH&CN;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban TVTU, TT HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TT Tin học - Công báo tỉnh;
- TTXVN tại QN;
- Báo QNam, Đài PT-TH QNam;
- CPVP, CV;
- Lưu VT, CTHĐ (Huy).



CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Quang